CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN - HÀ NỘI

Số: 456 /2025/BC-SHS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: **Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam**
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 03/2025 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 03/2025

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	TCD	ADP	AAA
2	ABT	ORS	HTG	ABT
3	ACB	TPB		ACB
4	ACC	APG		ACC
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADS			ADP
8	AGG			ADS
9	AGR			AGG
10	ANV			AGR
11	APG			ANV
12	ASM			ASM
13	AST			AST
14	BAF			BAF
15	BCM			BCM
16	BFC			BFC
17	BHN			BHN
18	BIC			BIC
19	BID			BID
20	BKG			BKG
21	BMC			BMC
22	BMI			BMI
23	BMP			BMP
24	BRC			BRC
25	BSI			BSI
26	BTP			BTP
27	BVH			BVH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	BWE			BWE
29	CCL			CCL
30	CDC			CDC
31	CHP			CHP
32	CII			CII
33	CLC			CLC
34	CMG			CMG
35	CNG			CNG
36	CRC			CRC
37	CSM			CSM
38	CSV			CSV
39	CTD			CTD
40	CTF			CTF
41	CTG			CTG
42	CTI			CTI
43	CTR			CTR
44	CTS			CTS
45	CVT			CVT
46	DBC			DBC
47	DBD			DBD
48	DBT			DBT
49	DC4			DC4
50	DCL			DCL
51	DCM			DCM
52	DGC			DGC
53	DGW			DGW
54	DHA			DHA
55	DHC			DHC
56	DHG			DHG
57	DIG			DIG
58	DMC			DMC
59	DPG			DPG
60	DPM			DPM
61	DPR			DPR
62	DRC			DRC
63	DRL			DRL
64	DSE			DSE
65	DSN			DSN
66	DVP			DVP
67	DXG			DXG
68	DXS			DXS
69	EIB			EIB
70	ELC			ELC
71	EVF			EVF
72	FCN			FCN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
73	FIR			FIR
74	FIT			FIT
75	FMC			FMC
76	FPT			FPT
77	FRT			FRT
78	FTS			FTS
79	GAS			GAS
80	GDT			GDT
81	GEE			GEE
82	GEG			GEG
83	GEX			GEX
84	GMD			GMD
85	GSP			GSP
86	GVR			GVR
87	HAH			HAH
88	HAP			HAP
89	HAR			HAR
90	HAX			HAX
91	HCD			HCD
92	HCM			HCM
93	HDB			HDB
94	HDC			HDC
95	HDG			HDG
96	HHP			HHP
97	HHS			HHS
98	HHV			HHV
99	HII			HII
100	HMC			HMC
101	HPG			HPG
102	HPX			HPX
103	HQC			HQC
104	HSG			HSG
105	HSL			HSL
106	HT1			HT1
107	HTI			HTG
108	HTL			HTI
109	HTN			HTL
110	HUB			HTN
111	HVH			HUB
112	IDI			HVH
113	IJC			IDI
114	ILB			IJC
115	IMP			ILB
116	ITC			IMP
117	KBC			ITC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
118	KDC			KBC
119	KDH			KDC
120	KHG			KDH
121	KHP			KHG
122	KMR			KHP
123	KOS			KMR
124	KSB			KOS
125	LBM			KSB
126	LCG			LBM
127	LHG			LCG
128	LIX			LHG
129	LPB			LIX
130	LSS			LPB
131	MBB			LSS
132	MCM			MBB
133	MIG			MCM
134	MSB			MIG
135	MSH			MSB
136	MSN			MSH
137	MWG			MSN
138	NAB			MWG
139	NAF			NAB
140	NBB			NAF
141	NCT			NBB
142	NHA			NCT
143	NHH			NHA
144	NKG			NHH
145	NLG			NKG
146	NNC			NLG
147	NSC			NNC
148	NTL			NSC
149	OCB			NTL
150	OPC			OCB
151	ORS			OPC
152	PAC			PAC
153	PAN			PAN
154	PC1			PC1
155	PDN			PDN
156	PDR			PDR
157	PET			PET
158	PGC			PGC
159	PGD			PGD
160	PGI			PGI
161	PHC			PHC
162	PHR			PHR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
163	PJT			PJT
164	PLP			PLP
165	PLX			PLX
166	PNJ			PNJ
167	POW			POW
168	PPC			PPC
169	PTB			PTB
170	PVD			PVD
171	PVP			PVP
172	PVT			PVT
173	REE			REE
174	SAB			SAB
175	SAM			SAM
176	SAV			SAV
177	SBA			SBA
178	SBT			SBT
179	SCR			SCR
180	SCS			SCS
181	SFC			SFC
182	SFI			SFI
183	SGN			SGN
184	SHB			SHB
185	SHI			SHI
186	SHP			SHP
187	SIP			SIP
188	SJD			SJD
189	SJS			SJS
190	SKG			SKG
191	SMB			SMB
192	SRC			SRC
193	SSB			SSB
194	SSC			SSC
195	SSI			SSI
196	ST8			ST8
197	STB			STB
198	STG			STG
199	SVI			SVI
200	SVT			SVT
201	SZC			SZC
202	SZL			SZL
203	TBC			TBC
204	TCB			TCB
205	TCD			TCH
206	TCH			TCI
207	TCI			TCL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
208	TCL			TCM
209	TCM			TCO
210	TCO			TCT
211	TCT			TDG
212	TDG			TDM
213	TDM			TDP
214	TDP			TEG
215	TEG			THG
216	THG			TIP
217	TIP			TLD
218	TLD			TLG
219	TLG			TMP
220	TMP			TMS
221	TMS			TNC
222	TNC			TNH
223	TNH			TNT
224	TNT			TRA
225	TPB			TRC
226	TRA			TTA
227	TRC			TV2
228	TTA			TVS
229	TV2			UIC
230	TVS			VCB
231	UIC			VCG
232	VCB			VCI
233	VCG			VDP
234	VCI			VDS
235	VDP			VFG
236	VDS			VGC
237	VFG			VHC
238	VGC			VHM
239	VHC			VIB
240	VHM			VIC
241	VIB			VIP
242	VIC			VIX
243	VIP			VJC
244	VIX			VND
245	VJC			VNL
246	VND			VNM
247	VNL			VOS
248	VNM			VPB
249	VOS			VPG
250	VPB			VPI
251	VPG			VRC
252	VPI			VRE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
253	VRC			VSC
254	VRE			VSH
255	VSC			VSI
256	VSH			VTO
257	VSI			VTP
258	VTO			YEG
259	VTP			
260	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 03/2025

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB		CTB	BAB
2	BAX		HGM	BAX
3	BCF		MAC	BCF
4	BNA		MDC	BNA
5	BVS		NFC	BVS
6	CAP		SZB	CAP
7	CDN		VNF	CDN
8	CEO			CEO
9	CLH			CLH
10	CSC			CSC
11	DHP			CTB
12	DHT			DHP
13	DL1			DHT
14	DP3			DL1
15	DTD			DP3
16	DVM			DTD
17	DXP			DVM
18	EID			DXP
19	EVS			EID
20	GIC			EVS
21	GKM			GIC
22	GMX			GKM
23	HAT			GMX
24	HCC			HAT
25	HJS			HCC
26	HLC			HGM
27	HMR			HJS
28	HUT			HLC
29	HVT			HMR
30	IDC			HUT
31	IDV			HVT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
32	INN			IDC
33	IPA			IDV
34	LAS			INN
35	LHC			IPA
36	LIG			LAS
37	MBS			LHC
38	MVB			LIG
39	NAG			MAC
40	NBC			MBS
41	NDN			MDC
42	NET			MVB
43	NTP			NAG
44	PBP			NBC
45	PCE			NDN
46	PCH			NET
47	PGN			NFC
48	PGS			NTP
49	PLC			PBP
50	PMC			PCE
51	PMS			PCH
52	PPS			PGN
53	PPT			PGS
54	PRE			PLC
55	PSD			PMC
56	PSI			PMS
57	PSW			PPS
58	PVB			PPT
59	PVC			PRE
60	PVG			PSD
61	PVI			PSI
62	PVS			PSW
63	S55			PVB
64	S99			PVC
65	SD9			PVG
66	SED			PVI
67	SGC			PVS
68	SJE			S55
69	SLS			S99
70	TA9			SD9
71	TDT			SED
72	THT			SGC
73	TIG			SJE
74	TMB			SLS
75	TNG			SZB
76	TTT			TA9

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
77	TV4			TDT
78	TVD			THT
79	VBC			TIG
80	VC3			TMB
81	VC7			TNG
82	VCS			TTT
83	VFS			TV4
84	VGS			TVD
85	VHE			VBC
86	VIF			VC3
87	VNC			VC7
88	VNR			VCS
89	WCS			VFS
90				VGS
91				VHE
92				VIF
93				VNC
94				VNF
95				VNR
96				WCS

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 03/2025 là https://www.shs.com.vn/News/202541/1012637/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-03-2025.aspx.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập	Kiểm soát	TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Ánh Nguyệt	Nguyễn Minh Hạnh	TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Chí Thành

G.P: 66 - C.T.C.K
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN HÀ NỘI
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI